

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/DS-ST

Ngày: 07/3/2024

“V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Ka

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Út

Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Cẩm – Thư ký TAND huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: Ông Trần Long Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2023/TLST-DS, ngày 17 tháng 11 năm 2023 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2024/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 02 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Lưu Lợi H**, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Số F, đường T, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/11/2023, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lưu Lợi H trình bày:

Ngày 08/8/2022 bà H có cho anh Nguyễn Văn B vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng (từ ngày 08/8/2022 đến ngày 08/05/2023), mục đích vay để chi tiêu trong gia đình, hai bên có làm biên nhận đối với số tiền vay này. Khi mượn tiền anh B có thể chấp giấy Chứng nhận

quyền sử dụng đất bản chính thửa đất số 212, tờ bản đồ số 4, diện tích 131,6m², loại đất trồng cây lâu năm, số DC 570658, sổ vào sổ CS21984 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 01/10/2021 cho anh B đứng tên trong giấy Chứng nhận cho bà H. Anh B đóng lãi cho bà H được 09 tháng, số tiền là 9.000.000 đồng.

Ngày 30/12/2022 anh B có vay của bà H thêm số tiền 30.000.000 đồng nữa, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn vay là đến ngày 21/01/2023 (nhằm ngày 30 tết) sẽ trả cho bà H số tiền 30.000.000 đồng này, anh B cũng có làm biên nhận vay đối với số tiền vay này cho bà H. Tổng số tiền anh B đã vay của bà H là 80.000.000 đồng. Đến thời hạn trả nợ anh B vẫn không trả lãi và vốn cho bà H, bà đã nhiều lần yêu cầu anh B trả nợ nhưng anh B cố tình trốn tránh không trả tiền cho bà.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn B phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ vay là số tiền nợ vay là 80.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 08/6/2023 đến ngày 08/11/2023 mức lãi suất là 1,66%/tháng số tiền là 7.968.000 đồng, tổng nợ gốc và lãi là 87.968.000 đồng, yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi anh B thanh toán xong nợ.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Lưu Thị H1 trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc anh B có nghĩa vụ trả cho bà H1 số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 08/6/2023 đến ngày 07/3/2024 mức lãi suất là 1,66%/tháng số tiền là 7.365.000 đồng; số tiền nợ vay là 30.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 30/12/2022 đến ngày 07/3/2024 mức lãi suất là 1,66%/tháng số tiền là 7.317.000 đồng tổng nợ gốc và lãi là 94.682.000 đồng, yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi anh B thanh toán xong nợ. Bà H1 đồng ý trả lại cho anh B giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 212, tờ bản đồ số 4, diện tích 131,6m², loại đất trồng cây lâu năm mà anh B đã thế chấp cho bà H1.

Bị đơn anh Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên xét xử của Tòa án.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long:

Căn cứ Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 470 Bộ Luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Lợi H: buộc anh Nguyễn Văn B trả cho bà Lưu Lợi H số tiền 93.152.000 đồng (trong đó tiền vốn là 80.000.000 đồng, tiền lãi là 13.152.000 đồng) và tiếp tục tính lãi trên số tiền gốc 80.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Buộc bà Lưu Lợi H trả cho anh Nguyễn Văn B 01 giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 570658 tại thửa đất số 212, tờ bản đồ số 4, diện tích 131,6m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp cho anh Nguyễn Văn B ngày 01/10/2021.

Về án phí: buộc anh Nguyễn Văn B phải chịu 4.657.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục:

- Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là quan hệ hợp đồng dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự. Do bị đơn anh Nguyễn Văn B cư trú tại xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Long Hồ thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của bà Lưu Lợi H yêu cầu anh Nguyễn Văn B trả cho bà H số tiền vay là 80.000.000 đồng:

Bà H có cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện của bà là giấy viết tay có nội dung: “Hôm nay ngày 08/8/2022 tôi tên Nguyễn Văn B số chứng minh 331400399 ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Tôi mượn tiền của dì T 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng chẵn), lãi xuất 2%/tháng, có gởi giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lưu Lợi H. Từ ngày 08/8/2022 đến 08/02/2023 tôi sẽ hoàn vốn lại” “Hôm nay 30/12/2022 B có mượn thêm Dì Tư 30.000.000 (ba mươi triệu chẵn). Qua mừng 10 tết trả lại phần 30.000.000 này trước”, có chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Văn B. Từ đó xác định anh B có vay của bà H số tiền 80.000.000 đồng là có xảy ra trên thực tế. Tại thời điểm xác lập biên nhận anh B có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, việc vay tiền trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội. Như vậy giữa anh B và bà H có xác lập với nhau giao dịch dân sự vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử xét thấy đây là hợp đồng hợp pháp, làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia giao kết hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không lý do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như có văn bản ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, những chứng cứ do Tòa án thu thập được. Như vậy anh B đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ Luật tố tụng dân sự, đây cũng là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự, cho thấy anh B thừa nhận còn nợ bà H số tiền 80.000.000 đồng. Do đó việc bà H khởi kiện yêu cầu anh B phải trả cho bà H số tiền 80.000.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

[2.2] Về lãi suất: Nguyên đơn thừa nhận lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng và quá trình vay phía bị đơn đã trả lãi cho nguyên đơn được 6.000.000 đồng. Nay bà H yêu cầu anh B trả lãi suất trên số tiền gốc 80.000.000 đồng như sau:

Đối với số tiền vay 50.000.000 đồng $\times$ 1,66%/tháng $\times$ 08 tháng 29 ngày (tính từ ngày 08/6/2023 đến ngày 07/3/2024) = 7.365.000 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bà H thừa nhận từ ngày 08/8/2022 đến ngày 08/05/2023 đã nhận số tiền lãi 9.000.000 đồng của anh B là vượt quá quy định của pháp luật. Tiền lãi được chấp nhận theo quy định của pháp luật là: 50.000.000 đồng $\times$ 1,66%/tháng $\times$ 09 tháng = 7.470.000 đồng. Do đó số tiền lãi bà H đã nhận vượt mức quy định được tính là: 9.000.000 đồng – 7.470.000 đồng = 1.530.000 đồng. Như vậy số tiền lãi bà H được chấp nhận là 7.365.000 đồng - 1.530.000 đồng = 5.835.000 đồng.

Đối với số tiền vay 30.000.000 đồng $\times$ 1,66%/tháng $\times$ 14 tháng 23 ngày (tính từ ngày 30/12/2022 đến ngày 07/3/2024) = 7.317.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền lãi được chấp nhận là 13.152.000 đồng.

[2.2] Đối với bản chính giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 212, tờ bản đồ số 4, diện tích 131,6m², loại đất trồng cây lâu năm được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 01/10/2021 cho anh B đứng tên trong giấy Chứng nhận mà bà H đang giữ, tại phiên tòa hôm nay bà H tự nguyện giao trả lại bản chính giấy Chứng nhận này. Căn cứ Điều 122, 131, 317, 319 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Điều 4, Điều 5 Nghị định 102/2017/NĐ-CP, ngày 01/9/2017 về đăng ký giao dịch bảo đảm, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà H.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh B phải có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ gốc và lãi là 93.152.000 đồng (trong đó nợ gốc là 80.000.000 đồng, nợ lãi 13.152.000 đồng)

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên anh B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.657.600 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Lợi H.

1. Buộc anh Nguyễn Văn B có nghĩa vụ trả cho bà Lưu Lợi H số tiền vay là 93.152.000 đồng (Chín mươi ba triệu, một trăm năm mươi hai nghìn đồng) (trong đó nợ gốc là 80.000.000 đồng, nợ lãi 13.152.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc bà Lưu Lợi H trả cho anh Nguyễn Văn B 01 giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 212, tờ bản đồ số 4, diện tích 131,6m², loại đất trồng cây lâu năm, số DC 570658, số vào sổ CS 21984 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 01/10/2021 cho anh B đứng tên trong giấy Chứng nhận.

2. Về án phí:

Bị đơn anh Nguyễn Văn B phải nộp 4.657.600 đồng (Bốn triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn, sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vụ án được xét xử công khai. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Dương sự: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Thị Mai Ka